

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/HS-ST**
Ngày 29/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Sơn Lạng;
2. Ông Phạm Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với:

- Bị cáo: Hứa Văn L, (tên thường gọi khác: Không), sinh 10/11/1994, tại tỉnh Đắc Lắc;

Nơi cư trú: Buôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắc Lắc;

Nghề nghiệp: Thợ Sơn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn O, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ ở với bố mẹ và đi học hết lớp 6/12 thì nghỉ học, lớn lên phụ giúp gia đình làm nông sau đó học nghề thợ Sơn và làm việc, sinh sống cho đến nay tại buôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắc Lắc. Vào ngày 26/8/2021 có hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 18/10/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc khởi tố bị can và hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt*.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Phương L, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắc Lắc, *có mặt*.

- **Bị hại:** Anh Nông Văn T, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Phi H, sinh năm 1993, nơi cư trú: Buôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Võ Tấn P, sinh năm 1993, nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Nông Văn T, sinh năm 1998, nơi cư trú: Buôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1990, nơi cư trú: Buôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ nên vào khoảng 16h00' ngày 26/8/2021, Hứa Văn L đã nảy sinh ý định mượn xe máy của người khác để đi cầm cố nên đi bộ từ nhà của Hứa Văn S, trú tại thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk đến nhà của Nông Văn T trú cùng thôn nhằm mục đích mượn xe của anh T mang đi cầm cố để lấy tiền trả nợ. Khi đến nhà T, do không có T ở nhà nên L nằm ở vũng trước sân nhà của T để đợi T. Đến khoảng 17h00' cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 168.84 về nhà thì thấy L đang ở nhà mình. T hỏi L là “anh đến đây lâu chưa”, L trả lời “tới được một lúc rồi”. Lúc này L hỏi T “em cho anh mượn xe đi công việc tí”, khi nghe L nói vậy thì T đồng ý cho L mượn xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 168.84 và nói “anh đi nhanh rồi về chứ không mưa”. Khi đã mượn được xe của T, L điều khiển xe đi đến tiệm cầm đồ của chị Nguyễn Thị Ngọc N, trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk để cầm cố lấy tiền. Tại đây, L đã thỏa thuận với chị N cầm cố chiếc xe trên với số tiền 10.000.000 đồng, L đã ký vào biên nhận thế chấp với tên Nông Văn T. Sau khi lấy được tiền, L hẹn gặp Trần Phi H, trú tại buôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk và đưa cho H 4.000.000 đồng để nhờ H trả nợ cho Võ Tấn P, trú tại tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk dùm Linh. Sau đó Linh trả cho Nông Văn T, trú tại buôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk 1.000.000 đồng, trả cho Trịnh Văn Q, trú tại buôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk 1.000.000 đồng, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân.

Sau nhiều lần liên lạc với L không được, ngày 28/8/2021 anh Nông Văn T đi tìm thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 47N1 - 168.84 của mình bị L cầm cố tại tiệm cầm đồ của bà N nên T đến Công an xã Đ, huyện L trình báo sự việc và làm đơn tố cáo hành vi của Hứa Văn L.

Ngày 06/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lắk trưng cầu Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Lắk để xác định

giá trị còn lại của tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N1-168.84, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BYG1 màu đen, số khung RLCUE3710LY069531, số máy E32VE139204. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 14/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lắc kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô có đặc điểm nêu trên là 14.800.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc đã thu giữ 01 xe mô tô BKS 47N1-168.84; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000601; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241652496 mang tên Nông Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô - xe máy số 2100157998. Quá trình điều tra, xác định đây là các tài sản hợp pháp của Nông Văn T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các tài sản đã thu giữ cho Nông Văn T nhận quản lý và sử dụng.

Về phân trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nông Văn T đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N đã nhận lại số tiền cầm cố xe mô tô là 10.000.000 đồng và 200.000 tiền lãi nên không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 17/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Hứa Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã kết luận diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo L phù hợp với nội dung Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 17/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc. Việc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời đề cập các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị với Hội đồng xét xử (ghi HĐXX):

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hứa Văn L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự (ghi BLHS): Xử phạt bị cáo Hứa Văn L mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc đã trả lại cho ông Nông Văn T 01 xe mô tô BKS 47N1-168.84; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000601; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241652496 mang tên Nông Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô - xe máy số 2100157998. (Đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao, nhận về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày

02/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc với ông Nông Văn T).

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nông Văn T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện, kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nơi cư trú ổn định; đã từng phục vụ trong quân đội nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo cải tạo ngoài xã hội với hình phạt là cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và truy tố bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại và người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Như vậy đã có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận: Vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 16 giờ ngày 26/8/2021, Hứa Văn L đã mượn xe mô tô biển kiểm soát 47N1-168.84, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BYG1 màu đen, số khung RLCUE3710LY069531, số máy E32VE139204 của anh Nông Văn T, sinh năm 1998, trú tại thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk đi công việc nhưng thực chất là để cầm cố lấy số tiền 10.000.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 14/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô có đặc điểm nêu trên là 14.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo L vi phạm pháp luật hình sự và bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu về tài sản của anh Nông Văn T, mặt khác hành vi đó còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân và làm ảnh hưởng an ninh tại địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức đối với hành vi của mình và đối với quyền

sở hữu về tài sản của người khác là không thể xâm phạm, được pháp luật bảo vệ. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng do tham lam tư lợi, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, HĐXX cần áp dụng mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và góp phần phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này. Do đó việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là xét thấy chưa phù hợp.

[3] Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo biết ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, đã từng phục vụ trong quân đội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy bị cáo có bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, nhất thời phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cùng với sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có cơ hội tiếp tục lao động, không gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc đã thu giữ 01 xe mô tô BKS 47N1-168.84; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000601; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241652496 mang tên Nông Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô-xe máy số 2100157998. Quá trình điều tra xác định đây là các tài sản hợp pháp của Nông Văn T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các tài sản đã thu giữ cho Nông Văn T nhận quản lý và sử dụng xét thấy là đúng pháp luật nên cần chấp nhận. (Đặc điểm vật chứng như trong biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc với ông Nông Văn T).

[5] Về phân trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nông Văn T đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N đã nhận lại số tiền cầm cố xe mô tô là 10.000.000 đồng và 200.000 tiền lãi và đều không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Đối với hành vi nhận cầm cố tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc N, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc xác định, khi L đem xe mô tô biển kiểm soát 47N1-168.84 đến cầm cố, chị N nhận thấy có đầy đủ các loại giấy tờ, đã kiểm tra, đối chiếu các loại giấy tờ có liên quan đến chiếc xe trên đều là của Nông Văn T, khi ký vào biên nhận thế chấp thì bị cáo L ghi tên Nông Văn T nhưng bà N không biết việc bị cáo lừa lấy xe của T để mang đi cầm cố nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Đối với anh Võ Tấn P, Nông Văn T và Trịnh Văn Q là những người đã nhận tiền từ bị cáo L. Quá trình điều tra xác định khi nhận các số tiền này, anh P, anh T và anh Q không biết đó là tài sản do L cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 47N1-168.84 của anh T mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc không đề cập xử lý đối với hành vi nhận tiền của anh Võ Tấn P, Nông Văn T và Trịnh Văn Q là phù hợp.

[8] Đối với các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX xét thấy phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[9] Đối với các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo Hứa Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết là 200.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Hứa Văn L** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015;

- Xử phạt bị cáo Hứa Văn L **09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Hứa Văn L cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật Thi hành án Hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc đã trả lại cho ông Nông Văn T 01 xe mô tô BKS 47N1-168.84; 01 giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000601; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241652496 mang tên Nông Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô - xe máy số 2100157998.

(Đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao, nhận về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc với ông Nông Văn T).

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nông Văn T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N không có yêu cầu gì nên không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hứa Văn L.

6. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắc;
- Công an huyện Lắc;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- CCTHADS huyện L;
- Bị cáo, bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường

